



## CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT NHỰA & TM THÔNG HƯNG

Địa chỉ: 1760 Tinh Lộ 10, P. Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Tel : 08. 3885.8710 - 08. 5425.7989 / Fax : 08.3766.1945

Email : [thonghung@gmail.com](mailto:thonghung@gmail.com) / Website: [www.thonghung.vn](http://www.thonghung.vn)

# BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN PPR ĐỆ NHẤT

(Sau VAT)

*ĐVT: VNĐ*

STT	QUY CÁCH	NÓI	TÊ	CO 90°	CO 45°
1	Ø 20	2.800	6,100	5,200	4,300
2	Ø 25	4,700	9,500	7,000	7,000
3	Ø 32	7,200	15,700	12,200	10,500
4	Ø 40	11,600	24,500	20,000	21,000
5	Ø 50	20,900	48,100	35,000	40,000
6	Ø 63	41,800	120,900	107,400	91,800
7	Ø 75	70,000	181,500	140,200	141,100
8	Ø 90	118,600	281,800	216,300	168,100
9	Ø 110	192,300	436,300	440,900	292,800

STT	QUY CÁCH	Mặt Bít	Nút Bít	Rắc Co	Van Xoay
1	Ø 20		2,600	34,500	135,400
2	Ø 25		4,500	50,900	183,600
3	Ø 32		5,900	73,100	211,800
4	Ø 40		8,900	84,000	328,100
5	Ø 50		16,800	126,300	559,000
6	Ø 63	34,800	81,800		772,700
7	Ø 75	57,400	145,400		1,237,200
8	Ø 90	89,800	163,600		1,551,000
9	Ø 110	133,100	2,600		1,772,700

STT	QUY CÁCH	NÓI GIẢM	TÊ GIẢM
1	Ø 25*20	4,300	9,500
2	Ø 32*20	6,100	16,800
3	Ø 32*25	6,100	16,800
4	Ø 40*20	9,500	3,700

5	Ø 40*25	9,500	3,700
6	Ø 40*32	9,500	3,700
7	Ø 50*20	17,100	65,000
8	Ø 50*25	17,100	65,000
9	Ø 50*32	17,100	65,000
10	Ø 50*40	17,100	65,000
11	Ø 63*20	33,200	114,200
12	Ø 63*25	33,200	114,200
13	Ø 63*32	33,200	114,200
14	Ø 63*40	33,200	114,200
15	Ø 63*50	33,200	114,200
16	Ø 75*20		
17	Ø 75*25		156,400
18	Ø 75*32	58,000	156,400
19	Ø 75*40	58,000	156,400
20	Ø 75*50	58,000	168,100
21	Ø 75*63	58,000	156,400
22	Ø 90*40	94,200	243,800
23	Ø 90*50	94,200	245,400
24	Ø 90*63	94,200	263,600
25	Ø 90*75	94,200	243,800
26	Ø 110*50	166,900	
27	Ø 110*63	166,900	418,100
28	Ø 110*75	166,900	
29	Ø 110*90	166,900	418,100

STT	QUY CÁCH	NỐI RN	NỐI RT	CO 90° RN	CO 90° RT
1	Ø 20*1/2"	43,600	34,500	54,000	38,400
2	Ø 25*1/2"	50,400	42,200	61,100	43,600
3	Ø 25*3/4"	60,900	47,100	72,200	58,800
4	Ø 32*1"	90,000	76,800	115,000	108,600
5	Ø 40*1 1/4"	261,800	190,400		
6	Ø 50*1 1/2"	327,200	252,700		
7	Ø 63*2"	554,500	511,300		

STT	QUY CÁCH	TÊ RT	TÊ RN	RẮC CO RT	RẮC CO RN
1	Ø 20*1/2"	38,700	47,700	82,200	87,700
2	Ø 25*1/2"	41,400	51,800		
3	Ø 25*3/4"	60,400	62,700	131,800	136,800
4	Ø 32*1"	132,000	131,800	193,100	215,000
5	Ø 40*1 1/4"			302,700	319,000
6	Ø 50*1 1/2"			527,200	563,100

7	<b>Ø 63*2"</b>		702,700	761,800
---	----------------	--	---------	---------